

Bản án số: 474/2025/DS-PT

Ngày: 15 - 5 - 2025

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Trần Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi lại tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1158/2025/QĐ - PT ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chen Lee H (tên gọi khác: Trần Thị Xuân H1, L), sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: A A A, Surrey Bc V4N 1K5. CANADA

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Quốc B, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Số G đường L, ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (theo văn bản uỷ quyền được công chứng ngày 18/3/2022).

- Bị đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Tấn H2, sinh năm 1984 (có mặt);
2. Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1987 (có mặt);
3. Anh Trần Tấn H3, sinh năm 1977 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chị Sơn Thị Thanh T2, sinh năm 1996 (vắng mặt);
5. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1985 (có mặt);
6. Chị Trần Thị Xuân H4, sinh năm 1977 (có mặt);
7. Anh Đặng Đình T3, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

8. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lâm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2022, các bản tự khai của chị Chen Lee H (tên gọi khác: Trần Thị Xuân H1, L) và lời khai của người đại diện theo uỷ quyền của chị H trình bày:

Chị Chen Lee H khởi kiện yêu cầu bà T giao trả các phần đất diện tích 2.707,4m², tại ấp T, thị trấn H, huyện H, phần đất diện tích 110,1m², tại Phường A, thành phố B do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh B1, phần đất diện tích 40m² tại ấp T, thị trấn H và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 40m², do các phần đất này chị Chen Lee H ở Đài Loan gửi tiền nhờ bà T mua và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùm chị H. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của chị Chen Lee H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Không yêu cầu bà T trả hai phần đất diện tích 2.707m² tại ấp T, thị trấn H và phần đất diện tích 110m² tại Phường A, thành phố B mà yêu cầu bà T giao trả lại số tiền chị H gửi nhờ bà T mua đất tổng số tiền 122.448 USD thể hiện tại các phiếu chuyển tiền ngày 03/9/2003 số tiền 36.480USD, phiếu chuyển tiền ngày 22/03/2004 số tiền 17.984USD và phiếu gửi tiền ngày 13/7/2010 số tiền 67.984USD, quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm sửa đổi đơn khởi kiện ngày 20/12/2023 bằng số tiền 2.816.000.000 Việt Nam đồng (Hai tỷ, tám trăm mười

sáu triệu đồng) và yêu cầu bà Lâm Thị T giao trả căn nhà xây dựng trên phần đất diện tích 40m², tại thửa 318, tờ bản đồ số 53 (cũ), tọa lạc tại: ấp T, thị trấn H, huyện H tỉnh Bạc Liêu.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là các phiếu chuyển tiền ngày 03/9/2003, phiếu chuyển tiền ngày 22/03/2004, phiếu gửi tiền ngày 13/7/2010, phiếu chuyển tiền ngày 25/01/2006 và phiếu gửi tiền ngày 25/01/2006

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác định do nhầm lẫn số tiền của phiếu chuyển tiền ngày 22/3/2004, nên thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu đối với ba phiếu chuyển tiền phiếu chuyển tiền ngày 03/9/2003 số tiền 36.480USD, phiếu chuyển tiền ngày 22/03/2004 số tiền 17.495USD và phiếu gửi tiền ngày 13/7/2010 số tiền 67.984USD, bằng tổng số tiền là 121.959USD, quy đổi ra tiền Việt Nam bằng số tiền 2.804.754.214 đồng, yêu cầu đòi nhà, đất diện tích 40m² tại ấp T, thị trấn H và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn giữ nguyên.

Bị đơn bà Lâm Thị T trong quá trình tố tụng và tại phiên toà trình bày:

Chen Lee H là con ruột của bà, trong thời gian sinh sống ở Đài Loan chị Chen Lee H có gửi tiền về cho bà nhiều lần, cụ thể: Năm 2003 chị H gửi về bà nhận 36.480 USD, năm 2004 chị H gửi về bà nhận 17.495 USD, năm 2010 chị H gửi về bà nhận 67.984 USD. Sau khi nhận tiền USD bà quy đổi ra tiền Việt Nam, sau đó mang số tiền trên gửi tại Ngân hàng S3 Chi nhánh B3 gửi 1.300.000.000 đồng được vài tháng thì chị H yêu cầu bà rút ra gửi tại Nông nghiệp và P1 Chi nhánh tại Hoà Bình số tiền 1.000.000.000 đồng do chị H giữ lại 300.000.000 đồng, gửi tại Ngân hàng được vài tháng thì chị H yêu cầu bà rút ra gửi tại tiệm V số tiền 1.000.000.000 đồng, sau đó chị H yêu cầu bà đến tiệm V1 rút ra đưa lại cho chị H 1.000.000.000 đồng, chị H cho lại bà số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 900.000.000 đồng chị H giữ bà không biết, khi bà đưa 900.000.000 đồng cho chị H không có làm biên nhận giấy tờ, nên nay bà không đồng ý giao trả các khoản tiền do chị H gửi về, vì chị H đã lấy lại hết các khoản tiền đã gửi cho bà.

Đối với phần đất diện tích 40m² tại thửa 318 tờ bản đồ số 53, bà xác định phần đất do bà được mẹ bà tên Thạch Thị Cao T4 cho bà từ năm 2005 có sự đồng ý của các anh chị em của bà, còn tiền xây dựng nhà do bà tự bỏ ra xây dựng, chị H không có gửi tiền về cho bà mua đất và xây dựng căn nhà này. Sau khi được bà C cho đất bà đi kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cấp cho hộ của bà là không đúng vì căn nhà và phần đất này là của cá nhân bà, nên bà làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện H chỉnh sửa lại thành của cá nhân bà, nhưng do chị H khởi kiện nên Ủy ban nhân dân huyện H chưa chỉnh sửa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, hiện nay bà đang giữ bản chính

giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 40m². Nay bà xác định nhà đất diện tích 40m² là tài sản của cá nhân bà, nên bà không đồng ý giao trả và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của chị H.

Đối với các phần đất có diện tích 110,1m² do bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh B1 ngày 10/12/2010 và phần đất diện tích 2.707,4m² do bà nhận chuyển nhượng của ông S bằng nguồn tiền của bà tự có, không phải tiền của chị H gửi về, nhưng nay chị Chen Lee H không yêu cầu giao trả, nên bà không có ý kiến gì thêm đối với hai phần diện tích đất này.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+ *Theo chị Trần Thị Xuân H4 trình bày:* Chị Chen Le H5 là em ruột của chị, trong thời gian sinh sống, làm ăn ở Đài Loan, trong khoảng thời gian từ năm 2002 đến năm 2010 chị H5 nhiều lần gửi tiền về nhờ mẹ ruột là bà Lâm Thị T mua đất dùm và gửi tiền về cho bà T cất nhà trên phần đất nhận chuyển nhượng để ở, do trong khoảng thời gian này chị cũng ở Đài Loan làm ăn sinh sống, nên biết việc Chen Lee H gửi tiền về cho bà T nhờ mua đất và cất nhà. Trong thời gian từ năm 2002 đến nay bà T không có nghề nghiệp, không có buôn bán để có thu nhập, toàn bộ các khoản chi phí của bà T đều do Chen Lee H gửi tiền về, tổng số tiền chị Chen Lee H gửi về nhờ bà T mua đất cất nhà bao nhiêu thì chị không nhớ, nhưng số tiền bà T dùng để mua phần đất diện tích 2.707,4m², tại ấp T, thị trấn H, số tiền bà T dùng để nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 110,1m² tại Phường A, thành phố B và số tiền nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 40m² của bà Thạch Thị C đều do chị Chen Lee H gửi tiền về, số tiền nhận chuyển nhượng đất của bà Thạch Thị C do cậu chị là ông Lâm Văn H6 nhận, vì lúc này ông H6 là người sống cùng và nuôi dưỡng bà C là mẹ ruột của ông H6, sau khi nhận đủ tiền chuyển nhượng đất, ông H6 và bà Cao tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, nhưng không làm hợp đồng chuyển nhượng mà làm hồ sơ mẹ tặng cho con quyền sử dụng đất để bà T được miễn các khoản thuế phải nộp cho Nhà nước, các phần đất diện tích 40m² tại ấp T, diện tích 2.707m², tại ấp T và diện tích 110,1m², tại Phường A, thành phố B bà T nhận chuyển nhượng đều do tiền của Chen Lee H chuyển về, số tiền cất nhà trên phần đất diện tích 40m² cũng do chị Chen Lee H gửi tiền về để xây dựng nhà cho bà T có chỗ ở và chị H đồng ý nhờ bà T kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các phần đất nêu trên.

Ngoài ra, chị H4 còn xác định chị và hai người con của chị tên Sơn Thị Thanh T2 và S1 Trần Thái C1 cũng có thời gian ở trong căn nhà xây dựng trên phần đất diện tích 40m² này, sau đó anh Đặng Đình T3 cưới chị cũng ở tạm trong nhà này và sinh thêm người con tên Đặng Trần Hoàng N cũng đăng ký vào hộ khẩu của bà T, sau đó chị và anh T3 cùng các con có nơi ở khác nên tách khỏi hộ khẩu của

bà T, hiện nay vợ chồng chị và các con không còn trong hộ khẩu của bà T. Nay chị xác định số tiền chị Chen Lee H gửi về cho bà T mua đất, xây nhà là có xảy ra trên thực tế, nên căn nhà và phần đất diện tích 40m² tại ấp T tài sản của chị Chen Lee H không phải của bà T.

+ Theo anh Trần Tấn H3 trình bày: Phần đất diện tích 40m² tại ấp T có nguồn gốc của bà Thạch Thị C là mẹ của bà T và cũng là bà ngoại của anh, sau khi cha mẹ anh ly hôn, bà T và các con về ở nhờ trên phần đất của bà C, sau đó anh nghe mẹ anh nói có đưa cho cậu Ú tên Lâm Văn H6 một số tiền nhưng số tiền bao nhiêu thì anh không biết, đưa tiền để nhận phần đất này cất nhà ở là phần đất hiện đang tranh chấp. Còn căn nhà do bà T xây dựng, còn nguồn tiền đâu bà T có để cất nhà thì anh cũng không biết. Đối với việc chị H có gửi tiền về cho bà T hay không anh cũng không biết, vì anh đã không còn sống chung với bà T hơn 30 năm nay, nên anh không biết tiền bạc chị H gửi cho bà T, theo anh xác định, khi bà T đi làm thuê ở B về có dành dụm được một số vàng, nhưng bao nhiêu thì anh không biết, nên khi bà T cất nhà bà T có vàng để bán xây dựng nhà. Trong vụ án này anh không có ý kiến yêu cầu gì.

+ Theo anh Trần Tấn H2 trình bày: Phần đất diện tích đất 40m² tại thửa 318 tờ bản đồ số 53 (cũ) qua đo đạc thực tế là 58,5m² tại thửa 37, tờ bản đồ số 73 có nguồn gốc của bà ngoại anh là bà Thạch Thị C, chuyển nhượng cho bà Lâm Thị T, nhưng do cậu anh là ông Lâm Văn H6 sống cùng với bà C đứng ra giao dịch chuyển nhượng và nhận tiền, còn ông H6 có đưa tiền lại cho bà C không thì anh không biết. Tuy nhiên, để không phải nộp thuế đất cho Nhà nước nên làm giấy mẹ tặng đất cho con, còn giá chuyển nhượng phần đất 40m² bao nhiêu tiền và giao nhận tiền như thế nào thì anh không biết. Sự việc này do anh ở cùng nhà với bà T nên biết rõ, nhưng không chứng kiến việc bà T đưa tiền chuyển nhượng đất cho cậu H6. Sau khi nhận chuyển nhượng được đất thì chị H gửi tiền về cho bà T để bà T xây dựng căn nhà như hiện nay, nhưng không phải chị H gửi tiền về một lần mà chị H gửi tiền về nhiều lần cho đến khi cất xong nhà.

Đối với số tiền chị H gửi cho bà T trong các năm 2003, 2004 và 2010 anh biết chị H có gửi tiền về cho bà T, nhưng gửi số tiền cụ thể bao nhiêu thì anh không biết, vì anh không trực tiếp đi nhận tiền, thời gian này bà T và các anh chị em của anh chủ yếu sống nhờ vào việc chị Chen Lee H gửi tiền về. Trong vụ án này anh không có ý kiến, yêu cầu gì.

+ Theo chị Trần Thị Thanh T1 trình bày: Phần đất diện tích 40m² tại thửa 318 tờ bản đồ số 53 (cũ) qua đo đạc thực tế là 58,5m² tại thửa 37, tờ bản đồ số 73 có nguồn gốc của bà ngoại chị tên Thạch Thị C. Sau khi cha mẹ chị ly hôn, bà T không có chỗ ở nên có hỏi bà C cho ở nhờ trên phần đất của bà C, lúc đầu bà C

cho cất chòi nhỏ tạm ở phía trước được khoảng hơn 1 năm thì ông Lâm Văn H6 là em của bà T không đồng ý cho bà T ở phía trước nữa, nên bà T bàn bạc với bà C và cậu H6 thống nhất cho bà T dời ra phần đất phía sau cất nhà ở (vị trí hiện nay), sau đó bà T dùng số tiền dành dụm được để xây dựng căn nhà ở như hiện nay, bà T và các anh chị em của chị ở trên phần đất này trên 20 năm nay. Còn việc bà C hay cậu H6 chuyển nhượng hay tặng cho phần đất này cho bà T thì chị không biết. Đối với việc chị H có gửi tiền về cho bà T chị có biết, nhưng chị H gửi bao nhiêu tiền, bao nhiêu lần vào các năm nào thì chị không biết. Hiện nay chị được bà T cho ở trong căn nhà và phần đất tranh chấp cùng với vợ chồng anh H3, chị O, nhưng chị chỉ ở ban ngày còn ban đêm thì về ở với bà T tại ấp T, thị trấn H, chị cũng không có công sức đóng góp về tiền bạc vào căn nhà và phần đất tranh chấp. Nay chị xác định nhà, đất tranh chấp là của bà T chứ không phải của chị Chen Lee H, chị cũng không có ý kiến, yêu cầu gì.

+ *Theo chị Nguyễn Thị O trình bày:* Chị là vợ của anh Trần Tấn H2, là dâu của bà T, khi anh H2 cưới chị thì đã có nhà đất như hiện nay. Trong thời gian chung sống với anh H2, chị có nghe bà T kể lại chị H có gửi tiền về cho bà T nhưng không nghe bà T nói gửi về bao nhiêu. Riêng năm 2010 chị có biết chị H gửi về cho bà T hơn 1.000.000.000 đồng, do thời điểm này có nhân viên ngân hàng đến gặp bà T vận động bà T gửi tiết kiệm Ngân hàng, nên chị biết còn những lần gửi trước bao nhiêu và năm nào thì chị không biết. Hiện nay chị và anh H2 đang sống chung tại căn nhà và phần đất tranh chấp diện tích 40m², anh chị không có đóng góp công sức hay tiền của gì vào căn nhà và phần đất, nên chị không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này, nếu Tòa án giao nhà đất cho ai thì chị đồng ý trả cho người đó.

+ *Theo anh Đặng Đình T3 trình bày:* Anh là chồng của chị Trần Thị Xuân H4 là con rể của bà T, anh không biết gì về nguồn gốc nhà, đất đang tranh chấp, năm 2005 anh cưới chị H4 thì đã có căn nhà và phần đất tranh chấp. Do anh và chị H4 mới cưới nhau không có chỗ ở nên anh nhập hộ khẩu ở tạm trong căn nhà hiện đang tranh chấp, trong thời gian này anh và chị H4 có con tên Đặng Trần Hoàng N, sinh năm 2007 cũng nhập hộ khẩu vào hộ của bà Lâm Thị T, ở được vài năm thì anh và chị H4 ra ở riêng và tách hộ khẩu riêng, hiện nay anh và chị H4, con anh là Đặng Trần Hoàng N không còn trong hộ khẩu của bà T nữa, căn nhà và phần đất tranh chấp vợ chồng anh không có đóng góp công sức hay tiền bạc gì, nên nay anh không có ý kiến hay yêu cầu gì trong việc tranh chấp nhà đất giữa Chen Lee H với bà Lâm Thị T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Chen Lee H, (tên gọi khác: Trần Thị Xuân H1, L) đối với bà Lâm Thị T.

1.1. Buộc bà Lâm Thị T có trách nhiệm giao trả lại cho chị Chen Lee H, (tên gọi khác: Trần Thị Xuân H1, L) số tiền 2.804.691.000 đồng, (Hai tỷ, tám trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Buộc bà Lâm Thị T và các thành viên trong hộ bà Lâm Thị T gồm: anh Trần Tân H2, chị Nguyễn Thị O và chị Trần Thị Thanh T1 cùng có trách nhiệm giao trả cho chị Chen Lee H (tên gọi khác: Trần Thị Xuân H1, L) căn nhà và phần đất diện tích 40m², thuộc thửa 318, tờ bản đồ số 53 (cũ) thửa 37, tờ bản đồ số 73 (mới), tọa lạc tại: ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, phần đất có vị trí, số đo cụ thể như sau:

Cạnh hướng Đông giáp đất quy hoạch lộ giới đường 30/4 có số đo 4,0m.

Cạnh hướng Tây giáp thửa 66 có số đo 4,0m.

Cạnh hướng Nam giáp mương thoát nước công cộng có số đo 10,0m.

Cạnh hướng Bắc giáp thửa 33 có số đo 10,0m.

Bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp do Trung tâm K lập ngày 31/5/2024 được kèm theo Bản án và là bộ phận không thể tách rời của Bản án.

1.3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H03074 do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là huyện H), cấp ngày 22/4/2005 cho hộ bà Lâm Thị T.

2. Chị Chen Lee H, (tên gọi khác: Trần Thị Xuân H1, L) có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng phần đất diện tích 40m², thuộc thửa 318, tờ bản đồ số 53 (cũ) thửa 37, tờ bản đồ số 73 (mới), tọa lạc tại: ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, theo quy định pháp luật, phần đất có vị trí, số đo cụ thể như sau:

Cạnh hướng Đông giáp đất quy hoạch lộ giới đường 30/4 có số đo 4,0m.

Cạnh hướng Tây giáp thửa 66 có số đo 4,0m.

Cạnh hướng Nam giáp mương thoát nước công cộng có số đo 10,0m.

Cạnh hướng Bắc giáp thửa 33 có số đo 10,0m.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Chen Lee H đối với bà Lâm Thị T do chị Chen Lee H rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 489USD và phần đất diện tích 2.707,4m², thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại: ấp T, thị trấn H, huyện H; phần đất diện tích 110,1m², thuộc thửa 361, tờ bản đồ số 47, tọa lạc tại: Đường C, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền thi hành án theo quy định.

Ngày 03/10/2024, bị đơn bà Lâm Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Lâm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Chen Lee H và trình bày: Sau khi nhận tiền USD, bà quy đổi ra tiền Việt Nam, sau đó mang số tiền trên gửi tại Ngân hàng S3 Chi nhánh B3 với số tiền 1.300.000.000 đồng. Vài tháng sau thì chị H yêu cầu bà rút ra gửi tại Nông nghiệp và P1 Chi nhánh tại Hoà Bình số tiền 1.000.000.000 đồng do chị H giữ lại 300.000.000 đồng, gửi tại Ngân hàng được vài tháng thì chị H yêu cầu bà rút ra gửi tại tiệm V số tiền 1.000.000.000 đồng, sau đó chị H yêu cầu bà đến tiệm V1 rút ra đưa lại cho chị H 1.000.000.000 đồng, chị H cho lại bà số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 900.000.000 đồng chị H giữ bà không biết, khi bà đưa 900.000.000 đồng cho chị H không có làm biên nhận giấy tờ, nên nay bà không đồng ý giao trả các khoản tiền do chị H gửi về, vì chị H đã lấy lại hết các khoản tiền đã gửi cho bà.

Đối với phần đất diện tích 40m² tại thửa 318 tờ bản đồ số 53, bà xác định phần đất do bà được mẹ bà tên Thạch Thị Cao T4 cho bà từ năm 2005 có sự đồng ý của các anh chị em của bà, còn tiền xây dựng nhà do bà tự bỏ ra xây dựng, chị H không có gửi tiền về cho bà mua đất và xây dựng căn nhà này, bà đi kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà xác định nhà đất diện tích 40m² là tài sản của cá nhân bà, nên bà không đồng ý giao trả và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của chị H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Chen Lee H (tên gọi khác: Trần Thị Xuân H1, L) là ông Cao Quốc B vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm xác định số tiền xây nhà là do nguyên đơn gửi về và buộc bị đơn giao trả căn nhà cho nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không áp dụng Án lệ số 02/2016/AL, chưa xem xét đến công sức đóng góp của bà T là có thiếu sót. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, xem xét tính phần giá trị đóng góp của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lâm Thị T trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo uỷ quyền, bị đơn bà Lâm Thị T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị T1, chị H4, anh H2 và chị O có mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T3, anh H3, chị T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân huyện H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án trên là quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của chị Chen Lee H đòi bà T giao trả số tiền 121.959 USD, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T thừa nhận có nhận các khoản tiền theo các phiếu chuyển tiền do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, bà T cho rằng số tiền chị H gửi về là để nuôi dưỡng bà vì chị H là con ruột của bà và khi chị H về Việt Nam bà đã hoàn trả lại hết cho chị H, trong quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của chị H không thừa nhận việc chị H gửi tiền về để nuôi dưỡng bà T và cũng không có việc bà T trả tiền lại cho chị H, bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này của mình, nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc bà T có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Chen Lee H số tiền 121.959 USD, quy đổi bằng Việt Nam đồng bằng số tiền 2.804.691 đồng là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Chen Lee H yêu cầu bà T giao trả căn nhà xây dựng trên phần đất diện tích 40m², tại thửa 318, tờ bản đồ số 53 (cũ), tọa lạc tại ấp T, thị trấn H, huyện H.

Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, trong quá trình tố tụng các đương sự đều xác định phần đất diện tích 40m² có nguồn gốc của bà Thạch Thị C, đây là sự thật không cần phải chứng minh. Theo nguyên đơn chị Chen Lee H xác định, năm 2004 khi chị đang sinh sống làm ăn tại Đài Loan, mẹ chị là bà T không có đất cất nhà ở phải ở tạm nhờ trên đến của bà C là bà ngoại chị, nên chị có về Việt Nam thương lượng với bà ngoại bán cho chị một phần đất để chị cất nhà cho mẹ chị và các chị em ở, được bà C đồng ý; khi về Đài Loan, chị gửi tiền về nhờ bà T mua phần đất của bà C với giá 20.000.000 đồng, bà T đã trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà C thông qua ông Lâm Văn H6 là cậu của chị và cũng là em của bà T, sau khi mua được đất chị tiếp tục gửi tiền về cho bà T để bà T thuê người và mua vật liệu xây dựng nhà, nên chị xác định căn nhà xây dựng trên phần đất diện tích 40m² toàn bộ bằng tiền của chị gửi về.

Theo bị đơn bà T xác định phần đất tranh chấp diện tích 40m² có nguồn gốc của mẹ bà tên Thạch Thị Cao T4 cho bà, sau khi được bà Cao tặng cho đất, bà cất nhà ở bằng nguồn tiền của bà và bà đi kê khai, đăng ký được Ủy ban nhân dân huyện V (nay là huyện H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ghi tên hộ bà Lâm Thị T là không đúng, bà có yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện H chỉnh sửa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng của cá nhân bà, nhưng do phát sinh tranh chấp với chị Chen Lee H, nên Ủy ban nhân dân huyện H chưa thực hiện chỉnh sửa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của chị H là phiếu chuyển tiền ngày 03/9/2003 số tiền 36.000.000 đồng và hai phiếu chuyển tiền cùng ngày 25/01/2006 số tiền 1.000USD và 8.286.911 đồng, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà T là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ bà Lâm Thị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy chứng tử thể hiện bà Thạch Thị C chết ngày 28/02/2004, còn theo tờ tông chi lập ngày 25/11/2004 thể hiện bà Thạch Thị C chết ngày 19/7/2002, nên có cơ sở xác định các anh chị em của bà T đã lập tờ tông chi thể hiện không đúng ngày chết của bà Thạch Thị C để hợp thức hoá phần đất của bà T để làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng thực tế. Theo lời tường trình của ông Lâm Văn H6, bà Lâm Thị D và bà Lâm Thị D1 là chị và em của bà T đều xác định phần đất tranh chấp do bà T nhận chuyển nhượng của bà C và người nhận tiền của bà T là ông H6, vì thời điểm này ông H6 là người nuôi dưỡng và ở cùng bà C. Căn cứ thời điểm bà T giao tiền mua đất cho ông Hoàng T5 vào thời điểm chị T gửi tiền về cho bà T tháng 9/2003, bà T cho rằng phần đất được mẹ là bà Thạch Thị Cao T4 cho, nhưng theo tờ tông chi thể

hiện thời điểm bà được tặng cho thì bà C đã chết, các anh em của bà lập tờ tông chi để cho đất bà, nhưng nay các chị em của bà là ông H6, bà D, bà D1 đều xác định việc lập tờ tông chi chỉ để hợp thức hoá việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên có căn cứ xác định phần đất tranh chấp do chị Chen Lee H gửi tiền về cho bà T nhận chuyển nhượng của bà C năm 2003. Đồng thời, theo bà T và các con bà T cũng xác định bà T xây dựng nhà năm 2004 đến năm 2005 mới xong trùng vào thời gian chị Chen Lee H gửi tiền về cho bà T, trong khi bà T không có chứng cứ chứng minh bà có nguồn thu nhập để có khoản tiền xây nhà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn nhà và phần đất tranh chấp được hình thành từ việc chị Chen Lee H gửi tiền cho bà T mua đất xây nhà và buộc bà T có trách nhiệm giao trả nhà đất cho chị Chen Lee H là có căn cứ.

Theo Công văn số 318 ngày 01/12/2022 của Công an huyện H xác định thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến thời điểm hiện nay hộ bà Lâm Thị T chỉ còn các thành viên anh Trần Tấn H2, đăng ký thường trú ngày 23/5/1998, chị Trần Thị Xuân H1 (tên gọi khác Chen Lee H), đăng ký thường trú ngày 23/5/1998 và chị Trần Thị Thanh T1, chị Nguyễn Thị O, đăng ký thường trú ngày 22/11/2010. Do đó, buộc bà T cùng các thành viên trong hộ và những người đang thường trú trong căn nhà và đất đang tranh chấp gồm anh Trần Tấn H2, chị Trần Thanh T1 và chị Nguyễn Thị O cùng có trách nhiệm giao trả nhà đất lại cho chị Chen Lee H.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Chen Lee H yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lâm Thị T đối với phần đất diện tích 40m², tại thửa 318, tờ bản đồ số 53 (cũ), thửa mới 37, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại: ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lâm Thị T được thực hiện cấp theo hình thức nhận thừa kế từ bà Thạch Thị C, nhưng trong quá trình giải quyết bà T xác định phần đất bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Thạch Thị Cao T4 cho, nhưng bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà được bà Thạch Thị Cao T4 cho phần đất đang tranh chấp, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp bà T nhận chuyển nhượng của bà Thạch Thị Cao B2 nguồn tiền của chị Chen Lee H gửi về cho bà T nhận chuyển nhượng đất, nhưng hồ sơ kê khai thể hiện nhận thừa kế là kê khai không đúng nguồn gốc đất và phần đất bà Thạch Thị C cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm lập tờ tông chi chưa xác định phần di sản của chồng bà Thạch Thị C là ông Lâm Văn P chết năm 1969, quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân chỉ căn cứ vào tờ tông chi lập ngày 25/11/2004 để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lâm Thị T là chưa đúng quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu của chị Chen Lee H về việc huỷ

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 03074 do Ủy ban nhân dân huyện V, (nay là huyện H) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Theo nội dung nhận định nêu trên thì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền số tiền 2.804.691.000 đồng và nhà, đất có diện tích 40m², thuộc thửa 318, tờ bản đồ số 53 (cũ) thửa 37, tờ bản đồ số 73 (mới), tọa lạc tại: ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ. Tuy nhiên, thời điểm hình thành căn nhà, chị H đang ở nước ngoài, bà T là người trực tiếp thực hiện các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xây dựng căn nhà bằng tiền do chị H gửi về. Nhà, đất tranh chấp là do bà T quản lý từ khi xây dựng cho đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Án lệ số 02/2016/AL tính công sức xây dựng, sửa chữa và giữ gìn nhà, đất tranh chấp cho bà T là gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Theo kết quả định giá ở cấp sơ thẩm, giá trị nhà, đất tranh chấp là 380.000.000 đồng, sau khi trừ chi phí mua đất và chi phí sửa chữa căn nhà, thì giá trị nhà, đất tăng thêm (so với giá trị gốc) là 280.000.000 đồng. Áp dụng Án lệ số 02/2016/AL thì bà T được hưởng 50% giá trị chênh lệch tăng thêm. Do đó, nguyên đơn phải thanh toán cho bà T số tiền 140.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà Lâm Thị Thủy S2 năm 1959. Căn cứ quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà T được miễn án phí (do là người cao tuổi). Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần bản án sơ thẩm theo nội dung nhận định nêu trên.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp.

[6.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Chen Lee H phải chịu 7.000.000 đồng (5% x 140.000.000 đồng); được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 600.000 đồng, theo các Biên lai thu tạm

ứng án phí số 0000150, ngày 19/4/2022 và số 0000209 ngày 20/7/2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu. Chị Chen Lee H phải nộp thêm 6.400.000 đồng.

- Bà Lâm Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá phần đất tranh chấp số tiền 4.898.838 đồng, chị Chen Lee H không phải chịu, bà T phải chịu toàn bộ, chị Chen Lee H đã nộp tạm ứng số tiền 4.898.838 đồng, nên buộc bà T có trách nhiệm hoàn trả cho chị Chen Lee H số tiền 4.898.838 đồng.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lâm Thị T; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 202, 203 của Luật Đất đai năm 2013; án lệ số 02/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao công bố theo quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Chen Lee H, (tên gọi khác: Trần Thị Xuân H1, L) đối với bà Lâm Thị T.

1.1. Buộc bà Lâm Thị T có trách nhiệm giao trả lại cho chị Chen Lee H, (tên gọi khác: Trần Thị Xuân H1, L) số tiền 2.804.691.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn đồng).

1.2. Buộc bà Lâm Thị T và các thành viên trong hộ bà Lâm Thị T gồm: anh Trần Tấn H2, chị Nguyễn Thị O và chị Trần Thị Thanh T1 cùng có trách nhiệm giao trả cho chị Chen Lee H (tên gọi khác: Trần Thị Xuân H1, L) căn nhà và phần đất diện tích 40m², thuộc thửa 318, tờ bản đồ số 53 (cũ) thửa 37, tờ bản đồ số 73 (mới), tọa lạc tại: ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, phần đất có vị trí, số đo cụ thể như sau:

Cạnh hướng Đông giáp đất quy hoạch lộ giới đường 30/4 có số đo 4,0m.

Cạnh hướng Tây giáp thửa 66 có số đo 4,0m.

Cạnh hướng Nam giáp mương thoát nước công cộng có số đo 10,0m.

Cạnh hướng Bắc giáp thửa 33 có số đo 10,0m.

Bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp do Trung tâm K lập ngày 31/5/2024 được kèm theo Bản án và là bộ phận không thể tách rời của Bản án.

1.3. Buộc chị Chen Lee H, (tên gọi khác: Trần Thị Xuân H1, L) có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lâm Thị T số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) là giá trị công sức đóng góp của bà T.

1.4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H03074 do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là huyện H), cấp ngày 22/4/2005 cho hộ bà Lâm Thị T.

2. Chị Chen Lee H, (tên gọi khác: Trần Thị Xuân H1, L) có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng phần đất diện tích 40m², thuộc thửa 318, tờ bản đồ số 53 (cũ) thửa 37, tờ bản đồ số 73 (mới), tọa lạc tại: ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, theo quy định pháp luật, phần đất có vị trí, số đo cụ thể như sau:

Cạnh hướng Đông giáp đất quy hoạch lộ giới đường 30/4 có số đo 4,0m.

Cạnh hướng Tây giáp thửa 66 có số đo 4,0m.

Cạnh hướng Nam giáp mương thoát nước công cộng có số đo 10,0m.

Cạnh hướng Bắc giáp thửa 33 có số đo 10,0m.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Chen Lee H đối với bà Lâm Thị T do chị Chen Lee H rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 489USD và phần đất diện tích 2.707,4m², thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại: ấp T, thị trấn H, huyện H; phần đất diện tích 110,1m², thuộc thửa 361, tờ bản đồ số 47, tọa lạc tại: Đường C, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá tài sản.

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Chen Lee H phải chịu 7.000.000 đồng (5% x 140.000.000 đồng); được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 600.000 đồng, theo các Biên lai thu tạm

ứng án phí số 0000150, ngày 19/4/2022 và số 0000209 ngày 20/7/2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu. Chị Chen Lee H phải nộp thêm 6.400.000 đồng.

- Bà Lâm Thị T được miễn.

5.2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá phần đất tranh chấp là 4.898.838 đồng (Bốn triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng) bà Lâm Thị T phải chịu toàn bộ.

Buộc bà Lâm Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho chị Chen Lee H số tiền 4.898.838 đồng (Bốn triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị T không phải chịu.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Trần Ngọc Tuấn

Nguyễn Đắc Minh